PROFESSIONAL STANDARDS

Quy định kỹ thuật chung

Tiêu chuẩn gốc: thuật ngữ, thứ bậc tài liệu, trị số gốc, đo lường, chấp nhận và kiểm soát thay đổi

Tiêu chuẩn gốc áp dụng cho toàn bộ thư viện: định nghĩa từ ngữ bắt buộc, thứ bậc tài liệu, 20 trị số gốc, quy tắc đo và chấp nhận, hồ sơ, trách nhiệm và kiểm soát thay đổi.

> *"Ca khó không ngại. Đã nhận là làm đến cùng."*
>
> SONGANHHYG · LÀM NGHỀ BẰNG KHÍ CHẤT VÀ TỰ TRỌNG

CHẨN ĐOÁN · PHƯƠNG PHÁP · THÔNG SỐ · KIỂM SOÁT RỦI RO · NGHIỆM THU

SAH-STD-00 · V1.1 · 11/2026

SERVICE COMPETENCY
Chứng minh tay nghề bằng quy trình và số đo

VERIFIED DELIVERY
Ca thực chiến, dữ liệu và nghiệm thu

RISK PROTECTION
Cam kết bảo vệ khách hàng bằng cơ chế

0905 751 566 · danangadv@gmail.com · dichvuvesinhdanang.com

MỤC LỤC

Cấu trúc tài liệu, thứ tự đọc và số trang trên bản PDF

01 Phạm vi và đối tượng áp dụng 3

02 Tài liệu viện dẫn bắt buộc và khuyến nghị 3

03 Thuật ngữ, định nghĩa và quy ước từ ngữ 4

04 Thứ bậc áp dụng và xử lý xung đột 5

05 Yêu cầu về nhân sự, thiết bị và hiệu chuẩn 6

06 Bảng trị số gốc áp dụng cho toàn bộ thư viện 6

07 Phương pháp đo, lấy mẫu và xử lý sai số 8

08 Tiêu chí chấp nhận và xử lý không phù hợp 8

09 Kiểm soát HSE bắt buộc 9

10 Hồ sơ bắt buộc, truy xuất và bảo mật 9

11 Trách nhiệm, quyền dừng và thẩm quyền ký 10

12 Thay đổi, ngoại lệ và thu hồi tài liệu 10

13 Đánh giá nội bộ, KPI và cải tiến 10

14 Hiệu lực, chuyển tiếp và điều khoản cuối 11

CÁCH ĐỌC TÀI LIỆU

Thang bằng chứng E0–E4: E0 chính sách; E1 quy trình; E2 năng lực; E3 đo lường; E4 xác nhận độc lập. Mỗi bảng có đơn vị và ngưỡng; mỗi kết luận phải truy được về một phép đo hoặc một biên bản. Bản PDF có bookmark theo mục và số trang in ở chân trang.

KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

MÃ TÀI LIỆU	PHIÊN BẢN	HIỆU LỰC	TRẠNG THÁI
SAH-STD-00	V1.1	Sau khi ký	Bản trình duyệt 1.1
BIÊN SOẠN	**SOÁT XÉT**	**PHÊ DUYỆT**	**RÀ SOÁT TIẾP**
Phòng KT & CL	Trưởng phòng KT	_____	11/2027

01 · PHẠM VI

Phạm vi và đối tượng áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu bắt buộc về thuật ngữ, thứ bậc tài liệu, trị số gốc, đo lường, chấp nhận, hồ sơ và kiểm soát thay đổi cho toàn bộ hoạt động vệ sinh công nghiệp của SONGANHHYG.

BẢNG 1.1. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG

Phạm vi	Bao gồm	Không bao gồm
Dịch vụ	Vệ sinh văn phòng, ghế/sofa, kính/mặt dựng, đá, ron epoxy, sau xây dựng, tạp vụ	Xây dựng kết cấu, sửa chữa cơ điện, xử lý amiăng/chì quy mô lớn
Đối tượng	Nhân sự kỹ thuật, giám sát, HSE, đấu thầu, kiểm toán nội bộ, nhà thầu phụ được duyệt	Khách hàng bên ngoài dùng trực tiếp làm tiêu chuẩn pháp lý
Thời điểm	Từ khảo sát, lập phương án, thi công, nghiệm thu đến bảo hành	Sau khi hết bảo hành hoặc khi hợp đồng chấm dứt

VỊ TRÍ PHÁP LÝ

Đây là **tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ**, không phải QCVN. QCVN là quy chuẩn bắt buộc do cơ quan nhà nước ban hành; TCVN là tiêu chuẩn tự nguyện; ISO là tiêu chuẩn quốc tế. Khi hợp đồng hoặc cơ quan kiểm tra yêu cầu QCVN/TCVN, tiêu chuẩn này chỉ là phương pháp triển khai, không thay thế nghĩa vụ viện dẫn và tuân thủ văn bản đó.

02 · TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tài liệu viện dẫn bắt buộc và khuyến nghị

Các tài liệu dưới đây được viện dẫn theo chủ đề. Tại ngày hiệu lực, tổ chức phải kiểm tra bản hợp nhất, phiên bản và điều khoản áp dụng; không dùng bản đã hết hiệu lực.

BẢNG 2.1. TÀI LIỆU VIỆN DẪN THEO NHÓM

Nhóm	Tài liệu	Áp dụng
Hệ thống quản lý	ISO 9001:2015/A1:2024; ISO 45001:2018; ISO 14001:2015; ISO 41001:2018; ISSA CIMS	Chất lượng, HSE, môi trường, cơ sở, quản lý ngành vệ sinh
Đo lường	ASTM D523; ASTM D1003; ASTM D2240; ASTM D3359; ASTM F2170; ASTM D4263; ANSI A326.3; ISO 105-A02; ISO 4287; ISO 4288	Gloss, haze, Shore D, độ bám, độ ẩm, DCOF, bền màu, nhám bề mặt
Vật liệu	ISO 13007-3	Phân loại và yêu cầu grout gốc nhựa cho gạch
An toàn, lao động	Luật An toàn, vệ sinh lao động 84/2015/QH13; Nghị định 44/2016/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 140/2018/NĐ-CP); Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH	Huấn luyện, kiểm định, hồ sơ an toàn, bệnh nghề nghiệp

Nhóm	Tài liệu	Áp dụng
Hóa chất	Nghị định 113/2017/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 82/2022/NĐ-CP); Thông tư 32/2017/TT-BCT	Phân loại, nhãn GHS, SDS, lưu trữ, khai báo
Phòng cháy	Nghị định 136/2020/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 50/2024/NĐ-CP); QCVN 06:2022/BXD	Phương án PCCC, thoát nạn, vật liệu, thiết bị
Môi trường	Luật Bảo vệ môi trường 72/2020/QH14; Nghị định 08/2022/NĐ-CP; QCVN 14:2008/BTNMT; QCVN 40:2011/BTNMT	Nước thải, chất thải, tiếng ồn, bụi, lưu giữ
Dữ liệu	Nghị định 13/2023/NĐ-CP	Dữ liệu cá nhân, consent, xóa, bảo mật

ASTM D1003 là phương pháp tham chiếu cho vật liệu trong suốt; với kính đã lắp, dùng cùng thiết bị và cùng điều kiện để so sánh, không dùng làm căn cứ pháp lý thay thế. Danh mục này chỉ xác định nhóm tài liệu. Khi áp dụng cho dự án cụ thể, phải ghi số hiệu, phiên bản, điều khoản và ngày hiệu lực vào hồ sơ dự án; không viện dẫn chung.

03 · THUẬT NGỮ VÀ QUY ƯỚC

Thuật ngữ, định nghĩa và quy ước từ ngữ

Mọi tranh chấp về nội dung bắt đầu từ một từ không được định nghĩa. Tiêu chuẩn này dùng các từ dưới đây theo nghĩa xác định, không suy diễn.

BẢNG 3.1. QUY ƯỚC TỪ NGỮ BẮT BUỘC

Từ	Nghĩa áp dụng	Hệ quả khi không thực hiện
Phải	Yêu cầu bắt buộc. Không thực hiện là không phù hợp.	Dừng bàn giao, mở CAPA; chỉ được miễn trừ bằng phiếu ngoại lệ có chữ ký khách hàng và Giám đốc kỹ thuật.
Nên	Khuyến nghị mạnh. Không thực hiện phải ghi lý do kỹ thuật.	Không coi là lỗi, nhưng phải giải trình trong hồ sơ.
Có thể	Được phép lựa chọn, không bắt buộc.	Không áp dụng hình thức xử lý.
Không phù hợp	Không đạt một yêu cầu “phải” của tiêu chuẩn, hợp đồng hoặc QCVN.	Phải cách ly, ghi nhận, khắc phục và đo lại.
Điểm giữ	Điểm dừng bắt buộc trước khi chuyển bước; chỉ được qua khi người có thẩm quyền xác nhận.	Không được chuyển bước; ghi vào biên bản ca.
Ngoại lệ	Chấp thuận bằng văn bản cho một tình huống cụ thể, có thời hạn và người chịu trách nhiệm.	Không có giá trị; coi như không thực hiện.
Hồ sơ	Bằng chứng đã thực hiện: số đo, ảnh, biên bản, chứng chỉ, nhật ký.	Không được nghiệm thu.
Khách hàng	Bên ký hợp đồng hoặc người được ủy quyền bằng văn bản.	Không nhận chữ ký của người không có thẩm quyền.

BẢNG 3.2. THUẬT NGỮ KỸ THUẬT VÀ ĐƠN VỊ

Thuật ngữ	Định nghĩa	Đơn vị / ghi chú
ATP / RLU	Adenosine triphosphate / relative light units — đo sinh khối hữu cơ trên bề mặt.	RLU; ngưỡng nội bộ, phụ thuộc thiết bị và lô swab.
GU	Gloss unit — độ bóng đo ở góc 60°.	GU; chỉ so sánh cùng vật liệu, lớp phủ, góc đo.
TDS nước	Total dissolved solids — tổng chất rắn hòa tan trong nước.	ppm hoặc µS/cm; dùng cho nước cấp water-fed.
TDS sản phẩm	Technical Data Sheet — tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.	Không nhầm với TDS nước; ghi rõ "TDS sản phẩm".
SDS	Safety Data Sheet — phiếu an toàn hóa chất 16 mục theo GHS.	Bản tiếng Việt tại điểm dùng, đúng mã lô.
CM	Carbide method — đo độ ẩm bê tông/screed.	% CM; không dùng cho bề mặt đá tự nhiên.
COF / DCOF	Hệ số ma sát / hệ số ma sát động khi ướt.	DCOF ≥ 0,42 cho sàn bằng, theo ANSI A326.3.
Ra	Độ nhám trung bình bề mặt.	µm; profilometer cầm tay chỉ để so sánh.
Shore D	Độ cứng vật liệu theo thang Shore D.	Theo ASTM D2240 và TDS sản phẩm.
HWE	Hot Water Extraction — phun hút nước nóng.	Nhiệt độ theo vật liệu, không mặc định 70°C.
Low-E	Kính phủ lớp phản xạ nhiệt thấp.	Không dùng amoniac/acid mạnh.
PTW / LOTO	Permit to work / lockout–tagout.	Bắt buộc cho làm cao, điện, không gian hạn chế.

04 · THỨ BẬC TÀI LIỆU

Thứ bậc áp dụng và xử lý xung đột

Khi hai tài liệu nói khác nhau, không thương lượng tại hiện trường. Áp dụng thứ bậc dưới đây và ghi quyết định vào hồ sơ.

BẢNG 4.1. THỨ BẬC ÁP DỤNG TỪ CAO ĐẾN THẤP

Cấp	Loại	Quy tắc
1	Pháp luật, QCVN	Luôn ưu tiên. Không được miễn trừ bằng hợp đồng hoặc tiêu chuẩn nội bộ.
2	Hợp đồng, phụ lục	Được chặt hơn tiêu chuẩn nội bộ; không được thấp hơn pháp luật/QCVN.
3	SAH-STD-00	Tiêu chuẩn gốc; mọi tài liệu SAH-* phải tuân thủ.
4	Hồ sơ chuyên ngành SAH-SC/STD/SOP	Áp dụng cho dịch vụ cụ thể; không trái SAH-STD-00.
5	Biểu mẫu, checklist	Công cụ ghi nhận; không tạo yêu cầu mới.

Quy tắc xung đột: nếu hợp đồng yêu cầu ngưỡng chặt hơn, áp dụng ngưỡng hợp đồng và ghi vào phụ lục. Nếu hồ sơ chuyên ngành trái SAH-STD-00, SAH-STD-00 được áp dụng cho đến khi hồ sơ được sửa và phát hành lại. Nếu phát hiện trái pháp luật/QCVN, dừng công việc và báo Giám đốc kỹ thuật trong 30 phút.

05 · NĂNG LỰC VÀ THIẾT BỊ

Yêu cầu về nhân sự, thiết bị và hiệu chuẩn

Không có năng lực được chứng nhận và thiết bị còn hiệu chuẩn thì không có phép đo hợp lệ.

BẢNG 5.1. YÊU CẦU TỐI THIỂU VỀ NĂNG LỰC VÀ THIẾT BỊ

Hạng mục	Yêu cầu "phải"	Bằng chứng
Nhân sự thi công	Được huấn luyện SOP, an toàn nhóm 3, hóa chất; có bảng phân công ca	Hồ sơ huấn luyện, danh sách ca
Giám sát	Độc lập với người đo; có quyền dừng bàn giao	Phân công bằng văn bản
Làm việc trên cao	Chứng chỉ làm việc trên cao; PTW; anchor có hồ sơ; người canh ngoài	Chứng chỉ, PTW, biên bản kiểm tra anchor
Thiết bị đo	ATP, gloss, ẩm kế, TDS/EC, Shore D, DCOF phải còn hiệu chuẩn	Giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn hạn
Thiết bị thi công	Điện an toàn, RCD, dây không trầy, lọc HEPA đúng giờ	Checklist đầu ca
Hóa chất	SDS tiếng Việt, nhãn GHS, đúng danh mục, có phiếu pha	SDS, nhãn, phiếu pha

ĐIỀU KIỆN DỪNG TUYỆT ĐỐI

- Thiếu PTW, thiếu PPE, thiếu SDS hoặc thiếu người giám sát.
- Thiết bị đo hết hiệu chuẩn hoặc nghi ngờ sai số.
- Phát hiện amiăng, chì, mốc lan rộng hoặc nước thải chưa kiểm soát.
- Điều kiện thời tiết vượt ngưỡng: gió > 10 m/s, mưa, sét, heat index ≥ 37°C.

06 · TRỊ SỐ GỐC

Bảng trị số gốc áp dụng cho toàn bộ thư viện

Bảng này là nguồn trị số thống nhất. Hồ sơ chuyên ngành không được tự đặt ngưỡng khác, trừ khi hợp đồng có phụ lục riêng.

BẢNG 6.1. TRỊ SỐ GỐC, PHƯƠNG PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG

Mã	Chỉ tiêu	Ngưỡng	Lấy mẫu	Khi không đạt
MV-01	ATP điểm chạm	≤ 100 RLU đạt; 101–300 RLU làm lại; > 300 RLU không đạt	10 điểm/tầng; swab 10 × 10 cm	Làm lại trong 2 giờ; đo lại; ghi CAPA nếu lặp
MV-02	Gloss vinyl	≥ 40 GU theo mẫu đã duyệt; CV ≤ 10%	5 điểm/100 m^2, góc 60°	Đánh bóng lại; kiểm tra lớp phủ
MV-03	Gloss đá	Marble ≥ 85 GU; granite ≥ 90 GU; honed 15–35 GU; matte ≤ 10 GU	5 điểm/100 m^2; mẫu đối chứng	Mài lại từ cấp hạt phù hợp; không tăng bóng giả
MV-04	Ra đá	≤ 0,5 µm (bóng); 1,0–2,5 µm (honed)	3 điểm/100 m^2; so trước/sau	Lùi cấp hạt; đo lại; tranh chấp dùng phòng thí nghiệm
MV-05	DCOF	≥ 0,42 khi ướt, sàn bằng	Khu vực ướt; ANSI A326.3	Chuyển honed/anti-slip; không chỉ tăng bóng

Mã	Chỉ tiêu	Ngưỡng	Lấy mẫu	Khi không đạt
MV-06	Độ ẩm bê tông	≤ 4,0% CM	6 điểm/100 m²; CM/oven-dry khi tranh chấp	Dừng; xử lý nguồn ẩm; đo lại
MV-07	Độ ẩm vải	≤ 12%; tối đa 15% nếu có hẹn kiểm tra lại	3 điểm/ghế; 10% hoặc 10 ghế	Hút ẩm/air mover; hẹn đo lại; không bàn giao
MV-08	Thời gian khô vải	4–6 giờ khi RH ≤ 60%; 8–12 giờ khi RH > 70%	Đo RH phòng; air mover	Kéo dài; dời bàn giao
MV-09	TDS nước	≤ 10 ppm; mục tiêu ≤ 5 ppm; EC ≤ 20 µS/cm	Đầu ra bơm; đầu ca và sau đổi bình	Thay resin; dừng; không dùng nước sai
MV-10	Haze kính	≤ 1% (khi đo được)	3 mẫu/khu vực; mẫu đối chứng	Đo lại; kiểm tra xước/ăn mòn; ghi giới hạn
MV-11	Shore D ron epoxy	≥ 75 sau 7 ngày (theo TDS)	3 điểm/100 m²; mẫu 1 m²	Cắt bỏ, làm lại; kiểm tra tỷ lệ A:B
MV-12	Pot life epoxy	30–45 phút ở 25°C (theo TDS)	Nhiệt kế hỗn hợp; đồng hồ	Hủy mẻ; trộn mẻ mới; không thêm dung môi
MV-13	Đi lại epoxy	24 giờ; tải nặng 48–72 giờ	Theo TDS; biển cấm	Che chắn; nhắc khách; ghi biên bản
MV-14	Hóa chất epoxy	7 ngày (theo TDS)	Lịch bảo dưỡng	Trước hạn chỉ nước sạch; nhắc khách
MV-15	Gió làm cao	≤ 10 m/s hoặc thấp hơn theo nhà sản xuất/anchor	Máy đo gió tại điểm làm việc	Dừng; hạ thiết bị; ghi phiếu
MV-16	Phản hồi sự cố	≤ 30 phút	Mọi sự cố	Báo cấp trên; mở phiếu; ghi giờ
MV-17	Có mặt hiện trường	≤ 2 giờ nội thành; ≤ 4 giờ ngoại thành	Trong giờ hành chính; ngoài giờ theo trực ban	Ghi lý do; bố trí phương án tạm
MV-18	Bảo hành	14 ngày với vệ sinh; 30 ngày với epoxy/đá/terrazzo; khảo sát 30 ngày	Theo hợp đồng	Làm lại; CAPA; báo cáo
MV-19	Kiểm tra nhà vệ sinh	Theo lưu lượng; tối thiểu 2 giờ/lần cao điểm	Checklist 12 mục	Tăng tần suất; bổ sung vật tư
MV-20	Mẫu ghế	10% hoặc 10 ghế; 100% nếu khách yêu cầu	Đo ẩm, màu, mùi, hình dạng	Kiểm tra toàn lô; làm lại điểm lỗi

Trị số gốc được xây dựng từ TDS nhà sản xuất, ASTM/ANSI/ISO và kinh nghiệm hiện trường. Khi hợp đồng yêu cầu khác, lập phụ lục riêng và ghi rõ phương pháp, thiết bị, người đo; không tự thay đổi ngưỡng tại hiện trường.

07 · ĐO LƯỜNG

Phương pháp đo, lấy mẫu và xử lý sai số

Một số đo chỉ có giá trị khi biết thiết bị, phương pháp, vị trí, người đo và điều kiện đo. Thiếu một trong năm yếu tố này, số đo không được dùng để nghiệm thu.

BẢNG 7.1. YÊU CẦU GHI NHẬN CHO MỖI PHÉP ĐO

Yếu tố	Phải ghi	Ví dụ
Thiết bị	Mã thiết bị, số hiệu chuẩn, hạn hiệu chuẩn	ATP-03; hiệu chuẩn 06/2026–06/2027
Phương pháp	Tiêu chuẩn/viện dẫn, diện tích swab, góc đo, thang đo	Swab 10 × 10 cm; gloss 60°; ASTM D523
Vị trí	Mã vùng, điểm đo, độ cao, hướng	Tầng 5 – điểm chạm cửa P.501
Người đo	Họ tên, mã nhân sự, chữ ký	Nguyễn Văn A – KT-012
Điều kiện	Nhiệt độ, RH, ánh sáng, bề mặt	29°C; RH 68%; đèn chéo
Thời gian	Ngày, giờ bắt đầu/kết thúc	12/11/2026 14:05–14:20

Cỡ mẫu: đây là lấy mẫu vận hành, không phải lấy mẫu thống kê. Nếu hợp đồng yêu cầu AQL/confidence, phải lập bảng lấy mẫu riêng; không dùng cỡ mẫu này để tuyên bố 95% confidence.

Sai số và tranh chấp: nếu hai lần đo lệch quá 10%, đo lại bằng thiết bị thứ hai hoặc người thứ hai. Nếu vẫn lệch, dùng phương pháp trọng tài: ATP/gloss đo tại phòng thí nghiệm được công nhận; độ ẩm dùng CM/oven-dry; Ra dùng phòng thí nghiệm; DCOF dùng thiết bị được hiệu chuẩn. Kết quả trọng tài là kết quả cuối cùng cho nghiệm thu.

> **KHÔNG DÙNG SỐ ĐO KHÔNG HỢP LỆ**
> Thiết bị hết hiệu chuẩn, swab hết hạn, mẫu không đại diện, người đo chưa huấn luyện hoặc điều kiện đo ngoài dải đều là số đo không hợp lệ. Không ghi "đạt" cho số đo không hợp lệ; ghi "không có bằng chứng".

08 · CHẤP NHẬN

Tiêu chí chấp nhận và xử lý không phù hợp

Chấp nhận là một quyết định có điều kiện, có người ký và có hồ sơ. Không có "tạm đạt" miệng.

BẢNG 8.1. PHÂN MỨC KHÔNG PHÙ HỢP VÀ HÀNH ĐỘNG

Mức	Ví dụ	Hành động	Thời hạn
Critical	Mất an toàn, hư tài sản, dữ liệu bị xem, nước vào điện	Dừng ngay; cách ly; báo Giám đốc kỹ thuật/HSE	30 phút
Major	ATP > 300 RLU; ẩm vượt ngưỡng; ron bong; kính xước mới	Không bàn giao; làm lại; đo lại	24 giờ
Minor	Vệt nước nhỏ; bụi góc khuất; thiếu vật tư phụ	Làm lại trong ca; ghi nhận	4 giờ

Điều kiện nghiệm thu: không có lỗi Critical; tỷ lệ ATP đạt ≥ 90%; các chỉ tiêu "phải" đạt; hồ sơ đủ; chữ ký đúng thẩm quyền. Nếu khách từ chối ký, lập biên bản ghi lý do, ảnh, hai chữ ký phía tổ chức và chuyển cấp xử lý trong 24 giờ; không tự ý bàn giao.

Ngoại lệ: chỉ áp dụng khi không trái pháp luật/QCVN, có phiếu ngoại lệ ghi rõ phạm vi, thời hạn, biện pháp bù và chữ ký khách hàng + Giám đốc kỹ thuật. Ngoại lệ không được gia hạn ngầm.

09 · AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG

Kiểm soát HSE bắt buộc

Thứ tự kiểm soát: loại bỏ — thay thế — kiểm soát kỹ thuật — kiểm soát hành chính — PPE. PPE là lớp cuối, không phải lớp đầu.

BẢNG 9.1. KIỂM SOÁT HSE THEO NHÓM CÔNG VIỆC

Nhóm	Kiểm soát bắt buộc	Điều kiện dừng
Làm cao	PTW, anchor EN 795, harness EN 361, lanyard EN 355, người canh ngoài, cứu hộ	Gió > 10 m/s; mưa/sét; anchor không đạt; làm một mình
Hóa chất	SDS, nhãn, PPE, thông gió, khay tràn, trung hòa	Thiếu SDS; trộn acid–hypochlorite; tràn không kiểm soát
Điện	LOTO, RCD, kiểm tra không điện áp, che chắn	Dây hở; ổ cắm ướt; không cô lập được
Bụi silica	Hút HEPA tại nguồn, ướt hóa bụi, khẩu trang P2	Máy hút hỏng; bụi lan sang khu khác
Nắng nóng	Luân ca 45–60 phút, nước uống, bóng mát, theo dõi heat index	Heat index ≥ 37°C; dấu hiệu say nóng
Mưa lũ/sét	Theo dõi thời tiết; che thiết bị; cô lập điện	Mưa lớn, sét, nước dâng
Mốc/amiăng/chì	Khảo sát trước; cô lập; chuyển đơn vị chuyên biệt	Nghi ngờ amiăng/chì; mốc > 1 m^2
Nước thải	Thu gom, trung hòa, chuyển giao; không xả cống mưa	Không có điểm thu gom; cống tràn

10 · HỒ SƠ

Hồ sơ bắt buộc, truy xuất và bảo mật

Hồ sơ là bằng chứng để bảo vệ khách hàng và tổ chức. Không có hồ sơ thì không có nghiệm thu, không có bảo hành.

BẢNG 10.1. HỒ SƠ BẮT BUỘC VÀ THỜI HẠN LƯU

Hồ sơ	Nội dung tối thiểu	Lưu
Hợp đồng/phụ lục	Phạm vi, KPI, ngưỡng, bảo hành, bảo mật	24 tháng sau hết hạn
Method statement	Phương pháp, hóa chất, thiết bị, điểm giữ, điều kiện dừng	24 tháng
Nhật ký thông số	Thiết bị, vị trí, người đo, điều kiện, số đo	24 tháng
Ảnh	Trước/sau, mã ca, thẻ thời gian, không mặt người/màn hình	24 tháng
Biên bản nghiệm thu	Chỉ tiêu, kết quả, kết luận, chữ ký	24 tháng
Phiếu pha hóa chất	Mã lô, nồng độ, người pha, giờ	12 tháng
Hiệu chuẩn thiết bị	Giấy chứng nhận còn hạn	Theo chu kỳ + 24 tháng
Phiếu sự cố/CAPA	Mô tả, nguyên nhân, hành động, hiệu lực	24 tháng
Consent công bố	Phạm vi, ẩn danh, kênh, thời hạn, chữ ký	24 tháng

Bảo mật: dữ liệu cá nhân xử lý theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Ảnh không có mặt người, màn hình, biển tên; không dùng logo/ảnh khách khi chưa có consent. Yêu cầu xóa dữ liệu: khóa truy cập trong 24 giờ, xóa bản sao trong 7 ngày, xác nhận bằng văn bản.

11 · TRÁCH NHIỆM

Trách nhiệm, quyền dừng và thẩm quyền ký

Mỗi yêu cầu "phải" phải có một người chịu trách nhiệm cuối cùng. Không có chủ thể thì yêu cầu không tồn tại.

BẢNG 11.1. MA TRẬN TRÁCH NHIỆM TỐI THIỂU

Hoạt động	Chịu trách nhiệm	Kiểm tra	Quyền dừng
Phương pháp, ngưỡng	Giám đốc kỹ thuật	Trưởng phòng Kỹ thuật	Giám đốc kỹ thuật
Thi công, điểm giữ	Tổ trưởng ca	Giám sát hiện trường	Giám sát, HSE, tổ trưởng
Đo, nghiệm thu	Người đo	Giám sát độc lập	Giám sát, khách hàng
HSE, PTW	Cán bộ HSE	Giám đốc vận hành	HSE, bất kỳ người phát hiện
Hồ sơ, bảo mật	Giám sát hiện trường	Bộ phận Hồ sơ	Bộ phận Hồ sơ
Ký hợp đồng/phụ lục	Kinh doanh	Pháp chế	Ban Giám đốc

12 · KIỂM SOÁT THAY ĐỔI

Thay đổi, ngoại lệ và thu hồi tài liệu

Mọi thay đổi ảnh hưởng đến an toàn, ngưỡng hoặc chi phí phải được kiểm soát như một bản phát hành mới.

BẢNG 12.1. ĐIỀU KIỆN THAY ĐỔI VÀ PHÊ DUYỆT

Loại thay đổi	Điều kiện	Phê duyệt
Ngưỡng kỹ thuật	Có dữ liệu thử nghiệm hoặc TDS mới; không thấp hơn QCVN	Giám đốc kỹ thuật + Ban Giám đốc
Hóa chất/thiết bị mới	SDS, TDS, test patch, đánh giá HSE	Giám đốc kỹ thuật + HSE
Quy trình/SOP	Thử nghiệm tại ca, đào tạo, cập nhật biểu mẫu	Trưởng phòng Kỹ thuật
Ngoại lệ một dự án	Không trái pháp luật/QCVN; có biện pháp bù	Khách hàng + Giám đốc kỹ thuật

Bản cũ phải được thu hồi trong 7 ngày; bản giấy đóng dấu "Bản kiểm soát", bản PDF có mã phiên bản. Người sử dụng bản cũ sau ngày thu hồi là không phù hợp.

13 · ĐÁNH GIÁ

Đánh giá nội bộ, KPI và cải tiến

Không đo thì không biết tiêu chuẩn có được thực hiện. Đánh giá phải dựa trên hồ sơ, không dựa trên trí nhớ.

BẢNG 13.1. KPI VÀ TẦN SUẤT ĐÁNH GIÁ

KPI	Ngưỡng	Tần suất	Chủ sở hữu
Tỷ lệ ATP đạt	≥ 90%	Tuần	Giám sát
Khiếu nại xác thực/10.000 m²	≤ 1/tháng	Tháng	CSKH
Phản hồi sự cố	≤ 30 phút	Sự kiện	Điều hành
Hồ sơ đầy đủ	≥ 98%	Tháng	Hồ sơ
Tai nạn lao động	0	Tháng	HSE
Thiết bị còn hiệu chuẩn	100%	Quý	Kỹ thuật
Đào tạo đúng hạn	≥ 95%	Quý	HSE

Đánh giá nội bộ mỗi 6 tháng; họp xem xét lãnh đạo mỗi 12 tháng; CAPA phải kiểm tra hiệu lực sau 30/60/90 ngày. KPI không đạt hai kỳ liên tiếp phải mở CAPA cấp công ty.

14 · HIỆU LỰC

Hiệu lực, chuyển tiếp và điều khoản cuối

Tiêu chuẩn này có hiệu lực sau khi Ban Giám đốc ký. Trước ngày ký, đây là bản trình duyệt, không dùng để tuyên bố tuân thủ.

BẢNG 14.1. TRẠNG THÁI ÁP DỤNG CỦA THƯ VIỆN

Nhóm tài liệu	Trạng thái	Hiệu lực
SAH-STD-00	Tiêu chuẩn gốc (normative)	Sau khi ký
SAH-CTL-01	Control & Verification Pack	Áp dụng cùng SAH-STD-00
SAH-SC-01…05	Hồ sơ kỹ thuật dịch vụ (informative + yêu cầu riêng)	Áp dụng cùng SAH-STD-00
SAH-STD-06…09	Tiêu chuẩn/SOP/biểu mẫu	Áp dụng cùng SAH-STD-00
SAH-RSK-10, TD-11…13	Hồ sơ rủi ro và Technical Demonstration	Tham chiếu, không thay thế tiêu chuẩn
SAH-VC-01	Verified Customer Case (ẩn danh, nguồn công khai)	Tham chiếu; chưa có consent ký
SAH-ADV-19	Competitive Advantage Brief	Tham chiếu
SAH-EVD-21	Audit-Grade Evidence Pack (mô phỏng)	Tham chiếu; không thay bằng chứng thật
SAH-SAL-14, SAL-22	Bộ công cụ kinh doanh và Sales Closure Pack	Tham chiếu

Khi có xung đột giữa tiêu chuẩn này và hồ sơ chuyên ngành, tiêu chuẩn này được ưu tiên cho đến khi hồ sơ được sửa. Khi có xung đột với pháp luật/QCVN, pháp luật/QCVN được ưu tiên tuyệt đối.

SONGANHHYG

DỊCH VỤ TỪ TRÁI TIM

Hồ sơ này là một phần trong thư viện bằng chứng năng lực 2026 của SONGANHHYG: tiêu chuẩn nghề, năng lực dịch vụ, ca triển khai và cơ chế bảo vệ rủi ro cho khách hàng B2B.

Liên hệ để nhận bộ hồ sơ đầy đủ

Hotline: 0905 751 566
Email: danangadv@gmail.com
Website: https://dichvuvesinhdanang.com
Địa chỉ: K57/10 Giang Văn Minh, Hòa Thuận Tây, Đà Nẵng
Mã số thuế: 00401989912

NGUYÊN TẮC CÔNG BỐ

Chỉ công bố dữ liệu đã được khách hàng xác nhận bằng văn bản hoặc dữ liệu minh họa có gắn nhãn rõ ràng. Không sử dụng logo, ảnh nhận diện, tên nhân sự hoặc thông tin nội bộ khi chưa có consent. Mọi trích dẫn phải giữ nguyên ngữ cảnh, đơn vị đo và điều kiện thử nghiệm.

DỊCH VỤ TRÊN WEBSITE

- Vệ sinh công nghiệp